TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 421/2022/QĐST-HNGĐ	*P, ngày 06 tháng 9 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 110 và 116 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 591/2022/TLST-HNGĐ ngày 25/8/2022 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, giải quyết việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Trần Đức N; sinh năm 1982.

Trú tại: Ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

2. Chị Phan Thị T, năm sinh: 1985.

Chổ ở hiện tại: 41/5 đường N, phường D, thành phố P, Gia Lai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: anh Trần Đức N và chị Phan Thị T qua tự nguyện tìm hiểu đã đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 31/12/2009 tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, tuy nhiên sau đó có phát sinh mâu thuẫn, không hợp nhau về quan điểm, tính cách. Đến thời điểm hiện nay, cả hai đều nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, hạnh phúc với nhau nữa và cũng đã ly thân mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau nữa. Vì vậy, anh N và chị T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: anh Trần Đức N và chị Phan Thị T có 03 con tên là: Trần Thiện P, sinh ngày 24/10/2011; Trần Phan M, sinh ngày 23/4/2015 và Trần Thiện N, sinh ngày 14/6/2020.

Ly hôn, anh Nvà chị T thỏa thuận như sau: Giao 01 con chung tên là Trần Thiện P, sinh ngày 24/10/2011 cho anh Trần Đức N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Giao 02 con chung tên là Trần Phan M, sinh ngày 23/4/2015 và Trần Thiện N, sinh ngày 14/6/2020 cho chị Phan Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; cho đến khi các con thành niên, có khả năng lao động, tự lập được. Sự

thoả thuận này cũng phù hợp với nguyện vọng của các con chung Trần Thiện P và Trần Phan M.

- Về cấp dưỡng nuôi con: anh Trần Đức N tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con là Trần Phan M, sinh ngày 23/4/2015 và Trần Thiện N, sinh ngày 14/6/2020 một tháng là 3.000.000đồng (Ba triệu đồng). Thời gian bắt đầu tính cấp dưỡng từ ngày 30/8/2022 cho đến khi các con thành niên, có khả năng lao động, tự lập được.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: anh N và chị T tự thỏa thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: anh Trần Đức N và chị Phan Thị T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: anh Trần Đức N và chị Phan Thị T có 03 con tên là: Trần Thiện P, sinh ngày 24/10/2011; Trần Phan M, sinh ngày 23/4/2015 và Trần Thiện N, sinh ngày 14/6/2020.

Các đương sự thống nhất giao con 01 chung là tên là Trần Thiện P, sinh ngày 24/10/2011 cho anh Trần Đức N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Giao 02 con chung tên là Trần Phan M, sinh ngày 23/4/2015 và Trần Thiện N, sinh ngày 14/6/2020 cho chị Phan Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; cho đến khi các con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Sự thoả thuận của các đương sự phù hợp với nguyện vọng của các con chung Trần Thiện P và Trần Phan M.

- Về cấp dưỡng nuôi con: anh Trần Đức N tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con là Trần Phan M, sinh ngày 23/4/2015 và Trần Thiện N, sinh ngày 14/6/2020 một tháng là 3.000.000đồng (Ba triệu đồng)/02 con. Thời gian bắt đầu tính cấp dưỡng từ ngày 30/8/2022 cho đến khi các con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định thay đổi mức cấp dưỡng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Về tài sản chung và thanh toán nghĩa vụ chung: anh N và chị T tự thỏa thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về lệ phí: anh Trần Đức N và chị Phan Thị T mỗi người phải nộp 150.000 đồng lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0002402 ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai; anh Trần Đức N và chị Phan Thị T đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố P;
- Chi cục THADS thành phố P;
- UBND xã, huyện T,
tỉnh Đồng Nai;
(ngày ĐKKH: 31/12/2009, số 223).
- Lưu VP, hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Đoàn Thị Thanh Hà